

2023臺灣KOM登山王之路-夏季 Summer 接駁車 往東East

序號	編號	姓名	國籍	手機	東East	簽名
1	102	蔡子軒	HKG		1	
2	106	邱昭叡	TWN		1	
3	210	林昶宇	TWN		1	
4	211	莊智凱	TWN		1	
5	257	溫士濠	TWN		1	
6	258	吳聖友	TWN		2	
7	266	游鈞硯	TWN		1	
8	267	劉昊	TWN		1	
9	345	蔡振獻	TWN		1	
10	392	Fernando Andres Olquin Choupay	CHI		1	
11	393	王建翔	TWN		1	
12	399	陳日昕	TWN		1	
13	523	陳志源	TWN		1	
14	524	廖國穎	TWN		2	
15	525	Chan yin chun	HKG		1	
16	527	Edgar Domingo	PHI		1	
17	529	Peter Wang	USA		1	
18	531	Tang Kin Ming	HKG		1	
19	543	莊進福	TWN		1	
20	568	林哲文	TWN		1	
21	569	塗溥鈞	TWN		1	
22	635	陳賢碩	TWN		1	

2023臺灣KOM登山王之路-夏季 Summer 接駁車 往東East

序號	編號	姓名	國籍	手機	東East	簽名
23	639	鍾士弘	TWN		1	
24	640	曾守謙	TWN		1	
25	641	Eric Hellman	USA		1	
26	645	Lau Siu Man	HKG		1	
27	646	Ron Eilinghoff	GER		1	
28	649	朱孝先	TWN		1	
29	651	吳家睿	TWN		1	
30	653	李育駿	TWN		1	
31	662	莊沁融	TWN		1	
32	668	葉承鑫	TWN		1	
33	669	葉時華	TWN		1	
34	682	Bruce Berkman	USA		1	
35	683	Fung Kwai Kwong	HKG		1	
36	684	Kwan chok tim	HKG		1	
37	740	蔡智勇	HKG		1	
38	741	沈郁智	TWN		2	
39	745	KYUNG SOO KIM	KOR		1	
40	747	Ronnie Brandstrup	DEN		1	
41	768	楊炳文	TWN		1	
42	771	蔡兆評	TWN		1	
43	772	薛家晟	TWN		1	
44	871	陳怡伶	TWN		1	